

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 29-01-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

+ Ông Nguyễn Văn Lạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2023/TLST-DS ngày 06/11/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-DS ngày 19/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947. Địa chỉ: Số 40-41 đường Phạm Văn B, khu phố B, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 38 đường Phạm Văn B, khu phố B, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và vợ chồng ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L là chỗ quen biết, ở sát nhà, bà có cho ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L vay tổng số tiền 85.000.000 đồng, có viết biên nhận, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 16/6/2017 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng do bà L nhận tiền và viết biên nhận.

Lần 2: Vào ngày 06/6/2017 (âm lịch - tháng 6 sau) vay 20.000.000 đồng do bà L nhận tiền và viết biên nhận.

Lần 3: Vay 5.000.000 đồng khoảng sau ngày 06/6/2017 (âm lịch - tháng sáu sau) vài ngày nhưng bà không nhớ cụ thể ngày và không viết biên nhận.

Lần 4: Vào ngày 30/4/2018 (dương lịch) vay 40.000.000 đồng do ông G nhận tiền và viết biên nhận.

Sau đó, ông G viết biên nhận nhận thừa nhận có vay của bà số tiền 85.000.000 đồng không ghi ngày tháng và bà không nhớ ngày tháng năm. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Ông G và bà L chưa trả lãi cho bà. Bà yêu cầu ông G và bà L trả nhiều lần nhưng ông G và bà L cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L trả 85.000.000 đồng và 233.750.000 đồng tiền lãi với mức lãi suất 5%/tháng từ ngày 30/4/2018.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông G và bà L trả 80.000.000 đồng tiền vay gốc, rút yêu cầu khởi kiện đối với 5.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu về tiền lãi, yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/4/2018 đến nay với số tiền 45.794.000 đồng.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L không thể hiện ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ vay gốc 80.000.000 đồng: Ông Huỳnh Văn G và bà Võ Thị L mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông G, bà L vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời ông G, bà L không thể hiện ý kiến cũng như không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của ông, bà trong vụ việc bà L khởi kiện. Vì vậy, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự để giải quyết vụ án. Theo lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là các giấy

biên nhận thể hiện nội dung: “Tôi võ thị L có Mượn 20.000000 (hai chục triệu AL 16-6-2017”;

“Tôi Võ thị L có Mượn chỉ 5 20.000.000 (Hai chục triệu đồng) Mừng 6 sau -AL 6-6-2017”;

“tôi: Huỳnh Văn G có nhận mượn tiền số tiền 40.000.000đ Bốn chục triệu chẳng Vĩnh Hưng 30/4.2018”. Trong tất cả các giấy biên nhận trên cũng thể hiện chữ ký và tên ông G, bà L. Mặt khác, tại biên bản hòa ở cơ sở ngày 03/11/2023 tại Trụ sở văn hóa khu phố B, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An thì ông G, bà L thừa nhận vay bà L số tiền 40.000.000 đồng (theo biên nhận 02 lần vay, mỗi lần 20.000.000 đồng). Đối với số tiền 40.000.000 đồng trong biên nhận ngày 30/4/2018 thì ông G trình bày có ký vào biên nhận. Căn cứ vào các chứng cứ trên có căn cứ xác định ông G, bà L có vay của bà L số tiền theo các biên nhận (gồm 20.000.000 đồng vào ngày 16/6/2017 âm lịch; 20.000.000 đồng ngày 6/6/2017 âm lịch (tháng 6 sau) và 40.000.000 đồng ngày 30/4/2018 dương lịch)).

Về lãi suất: Bà L yêu cầu lãi suất với mức 0,83%/tháng, tính từ ngày 30/4/2018 dương lịch cho số tiền vay 80.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu về mức lãi và thời gian tính lãi của bà L là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà L.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không đề cập.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Ông Huỳnh Văn G và bà Võ Thị L là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2000 tại UBND thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L không thể hiện ý kiến nên căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

[4.2] Căn cứ các biên nhận (bản chính) do nguyên đơn cung cấp, biên nhận ngày 16/6/2017 thể hiện nội dung “Tôi Võ Thị L có mượn 20.000.000 (Hai

chục triệu đồng), Võ Thị L có ký tên”, biên nhận ngày 06/6/2017 thể hiện nội dung “Tôi Võ Thị L có mượn chị 5 20.000.000 (Hai chục triệu đồng), Võ Thị L có ký tên”, biên nhận ngày 30/4/2018 thể hiện nội dung “Tôi Huỳnh Văn G có nhận mượn tiền số tiền 40.000.000 đồng, Huỳnh Văn G có ký tên”, biên nhận không thể hiện ngày tháng thể hiện nội dung “Tôi Huỳnh Văn G có nhận mượn tiền số tiền chị Năm Phục 2 lần 85.000.000 (tám năm triệu chẵn), tiền lãi 20.000.000. Hai chục triệu Tiền lãi = 13.000.000, Huỳnh Văn G có ký tên”. Bốn biên nhận trên thể hiện ông Huỳnh Văn G, bà Võ Thị L có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 85.000.000 đồng.

[4.3] Tại phiên tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà L theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.4] Bà L cho rằng ông G, bà L chưa trả 80.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 03/11/2023 thể hiện yêu cầu của bà L yêu cầu ông G và bà L trả 85.000.000 đồng tiền vay gốc và 233.750.000 đồng tiền lãi, ý kiến ông G không nhận tiền trực tiếp từ bà L 40.000.000 đồng mà chỉ ký giấy nhận nợ trả cho vợ 40.000.000 đồng (không vay 5 triệu) theo biên nhận ngày 30/4/2018, ông G và bà L có ký tên vào biên bản. Nhưng ông G, bà L không đến Tòa án để thể hiện ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có căn cứ khẳng định ông G, bà L còn thiếu bà L số tiền vay gốc nêu trên.

[4.5] Về thời gian trả nợ: Các biên nhận nêu trên không thể hiện việc thỏa thuận thời gian trả nợ cho bên vay, bà L cho rằng thỏa thuận mua bán 01 chuyến lúa thời gian khoảng 01 tháng trả nhưng ông G, bà L vẫn chưa trả. Bà L đã thực hiện các thủ tục khởi kiện tính đến nay đã hơn 02 tháng, hơn nữa ngày 03/11/2023 Tổ hòa giải khu phố B đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau đã thể hiện bà L đã thông báo thời gian hợp lý trả nợ nhưng ông G, bà L không trả nên thể hiện ông G, bà L cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và mặc kệ hậu quả xảy ra nên yêu cầu khởi kiện ông G, bà L trả số tiền vay của bà L là có căn cứ.

[4.6] Về tiền lãi: Tại biên nhận không thể hiện ngày tháng thể hiện nội dung “Tôi Huỳnh Văn G có nhận mượn tiền số tiền chị N 2 lần 85.000.000 (tám năm triệu chẵn), tiền lãi 20.000.000. Hai chục triệu Tiền lãi = 13.000.000, Huỳnh Văn G có ký tên” có đề cập đến tiền lãi nên có căn cứ khẳng định giữa bà L và ông G, bà L xác lập hợp đồng vay có lãi. Bà Nguyễn Thị L trình bày khi cho vay thỏa thuận với mức lãi suất 5%/tháng và chưa nhận lãi. Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông G, bà L trả lãi với mức lãi suất 5%/tháng, tại phiên tòa bà L chỉ yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cách tính lãi cụ thể như sau: 80.000.000 đồng x 0,83% x 68 tháng 29 ngày (30/4/2018-29/01/2024) = 45.794.000 đồng.

[4.7] Từ những lập luận trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Văn G và và Võ Thị L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị L là 80.000.000 đồng + 45.794.000 đồng = 125.794.000 đồng x 5% = 6.290.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L được miễn tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn G và Võ Thị L trả 5.000.000 đồng tiền vay. Bà Nguyễn Thị L được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Huỳnh Văn G và Võ Thị L.

Buộc ông Huỳnh Văn G và bà Võ Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 125.794.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Trong đó 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc và 45.794.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Huỳnh Văn G và bà Võ Thị L liên đới chịu 6.290.000 đồng (sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The